



**CHIẾN LƯỢC DỊCH TỪ NGỮ MẠNG XÃ HỘI TIẾNG TRUNG SANG
TIẾNG VIỆT DƯỚI GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA
A STUDY ON THE TRANSLATION STRATEGIES OF CHINESE
INTERNET SLANG INTO VIETNAMESE FROM LINGUISTIC AND
CULTURAL PERSPECTIVES**

Đoàn Văn Hảo*, Guan Xingzhong

Đại học Ngôn Ngữ Bắc Kinh (Trung Quốc)

* dvhao1307@gmail.com

Ngày nhận bài:
29/10/2025
Ngày chấp nhận
đăng:
01/12/2025

Keywords:
translation, Chinese
internet slang,
aspects in
translation.

Từ khóa: Dịch
thuật, từ ngữ mạng
xã hội tiếng Trung
Quốc, Văn hóa trong

ABSTRACT

The rapid development of the Internet has made online language a widespread cultural phenomenon in Chinese society. In the era of social media boom, these terms have become familiar and frequently used among young Vietnamese. Accurately translating such terms helps enhance understanding and communication between cultures. This study analyzes strategies for translating Chinese online language into Vietnamese, based on Ten trending terms in 2023 according to Baidu's ranking, from both linguistic and cultural perspectives. The results identify five main translation strategies: Literal translation, Free translation, Domestication translation, Loan translation and Literal translation combined with loan translation. The study also highlights challenges such as the rapid emergence of new terms, cultural differences, and the tendency to overuse Sino-Vietnamese vocabulary. To address these issues, the study suggests establishing a regularly updated lexicon, enhancing mutual cultural understanding, and prioritizing the use of terms that are familiar and easily accepted by Vietnamese readers. These findings not only provide valuable reference for translation practice but also direct research on linguistic and cultural exchange in the digital age.

TÓM TẮT

Sự phát triển nhanh của Internet khiến từ ngữ mạng xã hội trở thành một hiện tượng văn hóa phổ biến trong xã hội Trung Quốc. Trong thời buổi bùng nổ của mạng xã hội, những từ ngữ này được giới trẻ Việt Nam biết đến và sử dụng thường xuyên, việc dịch chính xác các từ này giúp nâng cao sự hiểu biết và trao đổi giữa các nền văn hóa. Nghiên cứu này phân tích chiến lược dịch từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung sang tiếng Việt dựa trên 10 từ thịnh hành năm 2023 theo bảng xếp hạng Baidu, xét từ góc độ ngôn ngữ và văn hóa. Kết quả chỉ ra năm chiến lược dịch chính: dịch trực tiếp, dịch ý, dịch thay thế, dịch vay mượn và dịch trực tiếp kết hợp dịch vay mượn. Nghiên cứu cũng xác định những thách thức như tốc độ đổi mới từ ngữ nhanh, khác biệt văn hóa và xu hướng lạm dụng từ Hán Việt. Để khắc phục, nghiên cứu đề xuất xây dựng kho từ điển được cập nhật thường xuyên, tăng cường hiểu biết văn hóa hai nước và ưu tiên sử dụng từ ngữ gần gũi, dễ tiếp nhận với người Việt. Những phát hiện này không chỉ cung cấp tài liệu tham khảo giá trị cho dịch thuật, mà còn mở ra

1. Giới thiệu

1.1 Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế hiện nay, Việt Nam và Trung Quốc có nhiều kênh tiếp xúc như phim ảnh, âm nhạc, mạng xã hội (TikTok, Weibo, Douyin, Xiaohongshu...). Qua đó, nhiều từ ngữ mạng xã hội và tiếng lóng Trung Quốc được giới trẻ Việt Nam biết đến và sử dụng thường xuyên.

Sự phát triển nhanh của Internet khiến từ ngữ mạng xã hội trở thành một hiện tượng văn hóa phổ biến trong xã hội Trung Quốc. Những từ ngữ này phản ánh tư duy, cách sống và quan điểm của giới trẻ, đồng thời thể hiện rõ đặc trưng văn hóa của thời đại.

Tuy nhiên, do các từ ngữ mạng xã hội của Trung Quốc mang yếu tố văn hóa và ngữ cảnh riêng, việc dịch sang tiếng Việt không phải lúc nào cũng dễ dàng. Nếu không hiểu đúng ý nghĩa và sắc thái, bản dịch có thể khiến người đọc hiểu sai hoặc làm mất đi sự sinh động vốn có của từ. Bên cạnh đó, từ ngữ mạng xã hội luôn thay đổi và xuất hiện thêm nhiều từ mới, vì vậy cần có những cách dịch phù hợp để có thể áp dụng cho các từ xuất hiện sau này.

Từ thực tế đó, vấn đề “*Nghiên cứu chiến lược dịch từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung sang tiếng Việt dưới góc độ ngôn ngữ và văn hóa*” được chọn nhằm tìm hiểu đặc điểm của từ ngữ mạng xã hội Trung Quốc và đề xuất các hướng dịch phù hợp. Nghiên cứu này có ý nghĩa trong việc hỗ trợ công tác dịch thuật, đồng thời cung cấp tài liệu tham khảo cho người học và tiếng Trung.

1.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: tập trung nghiên cứu các loại từ ngữ mạng xã hội phổ biến trong tiếng Trung.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu này tập trung vào 10 từ ngữ mạng xã hội thịnh hành trong “*Bảng tổng kết xu hướng nổi bật năm 2023*”¹ do công ty công nghệ Baidu công bố.

1.3 Mục tiêu và ý nghĩa nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu phân tích đặc điểm của từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung về mặt ngôn ngữ và văn hóa, thu thập và dịch một số từ ngữ mạng tiêu biểu sang tiếng Việt, từ đó đề xuất các chiến lược dịch phù hợp nhằm giúp người học và người làm công tác dịch thuật hiểu đúng nghĩa và truyền đạt sát sắc thái văn hóa gốc.

Ý nghĩa nghiên cứu: Nghiên cứu giúp hiểu rõ đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung, đồng thời cung cấp chiến lược dịch phù hợp sang tiếng Việt. Kết quả có ý nghĩa thực tiễn cho người học và người làm công tác dịch thuật, giúp dịch chính xác, sinh động và giữ được sắc thái văn hóa gốc, đồng thời làm tài liệu tham khảo cho giảng dạy và nghiên cứu dịch thuật.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tiến hành đọc, tổng hợp và ghi chú các bài báo, công trình nghiên cứu liên quan đến từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung Quốc và lý thuyết dịch, giúp xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

Phương pháp phân tích ngữ liệu: Nghiên cứu tiến hành phân tích 10 từ ngữ mạng xã hội thịnh hành trong “*Bảng tổng kết xu hướng nổi bật năm 2023*” do công ty công nghệ Baidu công bố. Các từ ngữ này sẽ được nghiên cứu về ý nghĩa, bối cảnh sử dụng và đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa, sau đó được dịch sang tiếng Việt. Quá trình phân tích và dịch thuật này nhằm rút ra những phương án dịch phù hợp, vừa đảm bảo chính xác về nghĩa, vừa giữ được sắc thái

¹ 2023 百度沸点.

https://baike.baidu.com/item/2023%E7%99%B%E5%BA%A6%E6%B2%B8%E7%82%B9?fromModule=lemma_search-box. (Truy cập 25/10/2025)

văn hóa đặc trưng.

Phương pháp tổng hợp - diễn giải: Sau khi thu thập và phân tích các từ ngữ mạng xã hội, nghiên cứu sẽ tiến hành tổng hợp các kết quả, diễn giải ý nghĩa, sắc thái và bối cảnh sử dụng của từng từ. Phương pháp này giúp hệ thống hóa thông tin, rút ra những đặc điểm chung của từ ngữ mạng và từ đó đề xuất các chiến lược dịch thuật phù hợp.

3. Đặc điểm của từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung

Trong bài nghiên cứu của mình, tác giả Gao Yemeng² đã nêu ra từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung có những đặc điểm sau:

3.1 Tính sáng tạo

Tính sáng tạo của từ ngữ mạng xã hội thể hiện rõ qua việc liên tục xuất hiện nhiều từ ngữ và cách nói mới. Trong môi trường mạng đầy năng động và sáng tạo, người dùng mạng xã hội phát huy trí tưởng tượng thông qua nhiều cách khác nhau để tạo ra những cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp đa dạng của mình.

Ví dụ, Ví dụ, từ ‘内卷’ là cách viết tắt của ‘向内演化’ (diễn hoá vào trong) hoặc ‘内部竞争’ (cạnh tranh nội bộ), dùng để chỉ hiện tượng cạnh tranh quá mức và tự tiêu hao nội lực trong xã hội. Từ 内卷 được cấu tạo ngắn gọn, diễn tả sinh động trạng thái con người bị cuốn vào cạnh tranh không lối thoát. Chẳng hạn, khi nói về nghề nghiệp, người ta thường than: ‘这个行业内卷太严重了’ (Ngành này cạnh tranh nội bộ quá khốc liệt).

3.2 Tính hài hước

Từ ngữ mạng thường mang phong cách hài hước và tự trào, giúp người dùng bày tỏ ý kiến và cảm xúc một cách vui vẻ, dí dỏm, tạo nên sự gần gũi và sinh động trong giao tiếp. Nó vừa là phương tiện biểu đạt hài hước, vừa giúp mọi người giải tỏa cảm xúc và kết nối trong không gian mạng.

Ví dụ, ‘凡尔赛文学’ (Văn học Versailles) là kiểu “khoe khéo”, dùng lời than phiền hoặc khiêm tốn để khoe cuộc sống sang trọng. Hiện tượng này thể hiện thái độ giấu cợt của cư dân mạng xã hội với thói khoe khoang, đồng thời mang lại tiếng cười và sự giải trí trong cộng đồng mạng.

3.3 Tính thời sự

Từ ngữ mạng xã hội rất nhạy với các chủ đề nóng và văn hóa đại chúng, có thể phản ánh nhanh các xu hướng và sự kiện xã hội. Nhiều từ mới ra đời gắn liền với các hiện tượng nổi bật, thể hiện đặc điểm thời đại và điều mọi người quan tâm. Vì vậy, người dùng và cả những người nghiên cứu cần theo dõi và cập nhật thường xuyên để nắm bắt từ mới và hiểu đúng cách dùng.

Ví dụ, từ ‘洪荒之力’ (sức mạnh hồng hoang) bắt nguồn từ cuộc phỏng vấn của vận động viên bơi lội Fu Yuanhui tại Thế vận hội Rio 2016. Sau trận bán kết 100m bơi ngựa nữ, khi được hỏi có giữ lại chút sức lực nào không, cô nói: “没有保留，我已经用了洪荒之力啦！” (Không giữ lại chút nào, tôi đã dùng hết ‘洪荒之力’ rồi!). Ban đầu, từ này chỉ sức mạnh

đủ để tạo ra thế giới thuở sơ khai; trong ngữ cảnh của Fu Yuanhui, nó diễn tả cô đã dùng hết toàn bộ sức lực. Kể từ đó, ‘洪荒之力’ được dùng rộng rãi để miêu tả việc ai đó nỗ lực tối đa hoặc thể hiện sức mạnh phi thường, khó ngăn cản.

3.4 Tính ngắn gọn

Trong môi trường giao tiếp trực tuyến với nhịp độ nhanh, cư dân mạng xã hội thường sử dụng viết tắt, phiên âm và ký hiệu để truyền đạt những ý nghĩa phức tạp, tạo nên đặc điểm

² 郜烨萌. (2025). 网络用语特点及其汉英翻译策略研究. 新楚文化(15), 73-75.

ngắn gọn, súc tích của từ ngữ mạng xã hội.

Ví dụ, ‘YYDS’ là viết tắt của ‘永远的神’ (mãi mãi là thần tượng), lấy chữ cái đầu của phiên âm. Ban đầu, từ này chủ yếu được người hâm mộ dùng để khen ngợi thần tượng, ví dụ: ‘AA明星 YYDS, 演技永远在线’ (Ngôi sao AA mãi là thần tượng, diễn xuất luôn đỉnh cao), nhấn mạnh khả năng xuất sắc của thần tượng. Theo thời gian, ‘YYDS’ được dùng rộng rãi hơn, không chỉ để khen người mà còn để tán dương các đối tượng khác như phim, sách, trò chơi. Cách biểu đạt ngắn gọn này giúp truyền tải nhanh cảm xúc, tránh viết dài dòng, phù hợp với nhu cầu giao tiếp nhanh chóng và tiện lợi trên mạng xã hội.

4. Kết quả và thảo luận

Nghiên cứu tiến hành phân tích 10 từ ngữ mạng xã hội thịnh hành trong “Bảng tổng kết xu hướng nổi bật năm 2023” do công ty công nghệ Baidu công bố, bao gồm: 显眼包, i人e人, citywalk, 尊嘟假嘟, 特种兵式旅游, 泰酷辣, 电子榨菜, 多巴胺穿搭, 纯爱战神, 配享太庙.

4.1 Chiến lược dịch

4.1.1 Chiến lược dịch trực tiếp

Dịch trực tiếp là một phương pháp cơ bản và quan trọng trong dịch từ ngữ mạng xã hội. Phương pháp này phù hợp với những từ dễ hiểu, ít mang sắc thái văn hóa đặc thù. Khi ý nghĩa và cách diễn đạt của từ tiếng Trung có thể truyền đạt ngay trong tiếng Việt, dịch trực tiếp giúp giữ nguyên hình thức gốc, làm bản dịch ngắn gọn, dễ hiểu và vẫn giữ được phần nào văn hóa của nguyên tác.

Trong cụm ‘i人e人’, chữ cái ‘i’ và ‘e’ là viết tắt của tiếng Anh ‘introverted’ và ‘extroverted’, tương ứng với nghĩa “người hướng nội” và “người hướng ngoại”. Khi dịch sang tiếng Việt, cần giữ sát nghĩa từng phần để người đọc dễ dàng nắm bắt đặc điểm tính cách mà cụm từ muốn truyền đạt.

尊嘟假嘟 là cách nói đáng yêu, ngộ nghĩnh của cư dân mạng Trung Quốc, mô phỏng giọng nói của chó, mèo để diễn đạt câu “真的假的”. Nó được dùng nhiều trên mạng xã hội và trong các văn bản vui nhộn, nhấn mạnh tính dễ thương, hài hước, nên khi dịch sang tiếng Việt, cách hợp lý nhất là “thật hay giả”, giữ nguyên nghĩa gốc mà vẫn dễ hiểu. Tương tự, 泰酷辣 xuất phát từ cách đọc trại âm của cụm 太酷啦, khi dịch cần thể hiện sắc thái cảm thán và khen ngợi, vì vậy có thể dịch là “ngầu quá”, vừa truyền tải đúng nghĩa gốc, vừa giữ được cảm xúc vốn có trong tiếng Trung.

Cụm 纯爱战神 dùng để chỉ nhóm người trung thành với các câu chuyện tình yêu thuần khiết, không chấp nhận các tình tiết cản trở tình cảm của nhân vật chính, đồng thời là cách gọi vui cho những khán giả cùng sở thích. Cụm này có thể dịch sát nghĩa là “chiến thần phim tình yêu trong sáng”, nhưng để phù hợp với ngôn ngữ của Gen Z và vẫn giữ được sắc thái vui nhộn, nên thay từ Hán Việt “chiến thần” bằng ngôn ngữ mạng xã hội tiếng Việt. Do đó, kiến nghị dịch là “fan cứng phim tình yêu trong sáng”.

4.1.2 Chiến lược dịch ý

Vì tiếng Trung và tiếng Việt khác nhau về ngôn ngữ lẫn văn hóa, nên nhiều từ ngữ mạng xã hội không thể dịch trực tiếp mà vẫn giữ nguyên nghĩa. Lúc này, dịch ý trở nên rất cần thiết. Phương pháp dịch ý không chú trọng hình thức câu chữ gốc, mà tập trung truyền đạt đúng nghĩa và tinh thần của từ gốc, giúp bản dịch dễ hiểu và phù hợp với cách dùng của tiếng Việt. Cách dịch này đặc biệt thích hợp với những từ mang nhiều nét văn hóa.

Từ 显眼包 là sự kết hợp giữa 显眼 (chói mắt, rực rỡ) và 包 (cái túi), hàm ý chỉ một

chiếc túi lung linh, rực rỡ đến mức khiến người khác phải “chối mắt”. Nghĩa bóng của từ này dùng để chỉ những người nổi bật hoặc thu hút sự chú ý đặc biệt giữa đám đông. Từ này có hai phương diện nghĩa: Nghĩa tích cực, dùng để khen ngợi, có thể dịch là “người nổi bật”. Ví dụ: trong câu “她穿着色彩鲜艳的传统服饰参加文化展，热情地向大家介绍家乡文化，这个‘显眼包’让更多人了解了她的国家。”, cô ấy là người nổi bật với trang phục sắc sảo, thu hút sự chú ý tích cực của mọi người; Nghĩa tiêu cực, dùng để mỉa mai, có thể dịch là “trò hề”. Ví dụ: trong câu “开会时他一直打断别人说话，还故意大声炫耀自己的成绩，像个显眼包，大家都觉得很尴尬。”, anh ấy cố tình gây sự chú ý nhưng trong mắt mọi người hành vi ấy chẳng khác gì một trò hề.

Từ 特种兵式旅游 chỉ việc các bạn trẻ trải nghiệm du lịch với chi phí thấp nhất, thử thách giới hạn về thời gian và sức lực để đổi lấy trải nghiệm văn hóa du lịch phong phú. Đặc điểm của loại hình này là thời gian ngắn, tham quan nhanh, đi được nhiều nơi nhất trong thời gian ngắn nhất: chỉ trong một ngày có thể tham quan vài điểm du lịch. Nếu dịch trực tiếp thành “du lịch kiểu đặc binh”, sẽ dễ gây cảm giác xa rời quần chúng. Vì vậy, cách dịch phù hợp hơn là “du lịch thần tốc”, vừa chuyển tải ý nghĩa gốc, vừa gần gũi và dễ hình dung với người Việt.

Từ 电子榨菜 nếu dịch thẳng sẽ là “xá bầu điện tử”, nhưng như vậy không có nghĩa trong tiếng Việt và nếu muốn người nghe hiểu thì phải thêm nhiều bước giải thích rườm rà, điều này là không cần thiết. Nghĩa bóng của từ này nên hiểu là chỉ việc xem video hoặc nghe sách nói trong lúc ăn cơm. Vì vậy, kiến nghị sử dụng chiến lược dịch ý. Xét ví dụ: “他说自己吃饭没有电子榨菜就没胃口，通常会提前下载好搞笑短片，吃饭时慢慢看.” “Câu này thể hiện rằng anh ấy sẽ không ngon miệng nếu khi ăn cơm mà không có “clip ăn kèm”. Trong tiếng Trung, 电子榨菜 được nói như tên một món ăn, nhưng mang sắc thái hài hước, do đó, trong tiếng Việt, cách dịch “clip ăn kèm” vừa sát nghĩa, vừa giữ được tính hài hước và dễ hiểu là hoàn toàn phù hợp.

4.1.3 Chiến lược dịch thay thế

Chiến lược dịch này nhằm giảm bớt các đặc trưng văn hóa nước ngoài, sử dụng những cách diễn đạt quen thuộc trong văn hóa tiếng Việt để bản dịch trở nên tự nhiên, dễ hiểu và gần gũi. Nó được thực hiện thông qua việc chọn lọc văn bản, điều chỉnh cấu trúc hoặc nội dung để phù hợp với người đọc.

配享太庙 vốn chỉ các đại thần có công lao xuất sắc thời cổ đại, sau khi qua đời bài vị có thể được đưa vào Thái Miếu để thờ cúng cùng. Ngày nay, được dùng để chỉ sự tán dương, ngợi khen cực kỳ cho tài năng hoặc đóng góp của một người. Với ý này, tiếng Việt hay nói là “đỉnh của chóp” hoặc “gương mặt vàng trong làng...”.

Như khi cư dân mạng xã hội khen một video làm lại món bánh truyền thống cực kỳ giống bản gốc, họ thường bình luận: “这手法配享太庙！” với hàm ý tán dương tay nghề xuất sắc, làm “giống thật đến mức không phân biệt được”. Trong tiếng Việt, có thể dịch vui là “tay nghề này đỉnh của chóp!”, vừa thể hiện được sắc thái khen ngợi, vừa gần gũi với phong cách diễn đạt của giới trẻ.

Tương tự, trong câu “这个软件解决了大家办公时的很多难题，节省了大量时间，网友们说它‘配享太庙’，是工作必备工具。”, cư dân mạng xã hội dùng cụm “配享太庙” để bày tỏ sự ngưỡng mộ và yêu thích tốt độ. Cách diễn đạt nhí nhảnh trong tiếng Việt có thể là: “dân mạng xã hội bảo đây là gương mặt vàng trong làng app store”, vừa hài hước, vừa thể

hiện được mức độ khen ngợi cao nhất.

Như vậy, tùy theo ngữ cảnh và phong cách biểu đạt, có thể linh hoạt lựa chọn cách chuyển ngữ phù hợp, sao cho vừa truyền đạt được tinh thần tán dương trong tiếng Trung, vừa phù hợp với đặc trưng ngôn ngữ mạng xã hội tiếng Việt.

4.1.4 Chiến lược dịch vay mượn

Đối với các từ ngữ mạng vốn được dùng bằng tiếng Anh, là hình thức đi bộ trong thành phố, vừa dạo chơi, vừa khám phá các địa điểm lịch sử, văn hóa, cảnh quan đặc sắc. Nó có thể là đi tự do hoặc theo lộ trình có hướng dẫn. chiến lược dịch mượn là phù hợp nhất, tức giữ nguyên dạng gốc mà không dịch, giúp người đọc dễ hiểu. Chẳng hạn, từ ‘citywalk’ cũng vậy: dễ đọc, dễ hiểu và không gây khó khăn gì với Gen Z, thế hệ quen thuộc với các từ ngữ mạng xã hội và có vốn tiếng Anh nhất định.

4.1.5 Chiến lược dịch trực tiếp kết hợp vay mượn

Từ ngữ mạng 多巴胺穿搭 xuất phát từ cách nói tiếng Anh “dopamine dressing”, dùng để chỉ phong cách ăn mặc nhiều màu sắc tươi sáng, mang lại cảm giác vui vẻ, tràn đầy năng lượng, giống như việc cơ thể tiết ra dopamine - hormone của niềm vui. Từ “多巴胺” (dopamine) trong tiếng Trung vốn là từ vay mượn từ tiếng Anh, đã được nội địa hóa và trở thành một phần quen thuộc trong hệ thống từ vựng. Khi chuyển sang tiếng Việt, nếu dịch hoàn toàn nghĩa đen thành “phong cách ăn mặc tươi sáng để hưng phấn” thì sẽ gây cảm giác khoa học, thiếu tự nhiên. Ngược lại, nếu chỉ dịch ý thành “ăn mặc tươi sáng” thì lại đánh mất yếu tố ngôn ngữ mạng, tức là cảm giác thời thượng, mang hơi hướng khoa học tâm lý đặc trưng của cụm gốc.

Do đó, chiến lược dịch trực tiếp kết hợp vay mượn được áp dụng, giữ nguyên yếu tố vay mượn “dopamine” để duy trì phong vị hiện đại, gần với ngôn ngữ gốc, đồng thời dịch trực tiếp phần “穿搭” thành “ăn mặc” để đảm bảo tính dễ hiểu. Cách chuyển ngữ thành “ăn mặc dopamine” vừa giữ được nét sáng tạo và tính thời thượng của từ gốc, vừa phù hợp với xu hướng sử dụng xen lẫn yếu tố tiếng Anh trong giao tiếp của giới trẻ Việt Nam hiện nay. Hơn nữa, từ “dopamine” cũng đã khá quen thuộc trong cộng đồng mạng, nên cách dịch này không gây cảm giác xa lạ hay khó hiểu đối với người tiếp nhận.

Thông qua phân tích các chiến lược dịch phía trên, có thể tổng hợp bản dịch của các từ ngữ mạng thành bảng sau:

	Từ ngữ	Lý giải	Gợi ý nghĩa	Chiến lược
1	显眼包	Chỉ những người nổi bật hoặc thu hút sự chú ý đặc biệt giữa đám đông.	Tích cực: người nổi bật Tiêu cực: trò hề	dịch ý
2	i人e人	introverted people và extroverted people	Người hướng nội và người hướng ngoại	dịch trực tiếp
3	citywalk	Là hình thức đi bộ trong thành phố, vừa dạo chơi, vừa khám phá các địa điểm.	citywalk	dịch vay mượn
4	尊嘟假嘟	Là cách nói đáng yêu, mô phỏng giọng nói của chó, mèo để diễn đạt câu “真的假的”.	thiệt hay giả	dịch trực tiếp
5	特种兵式旅游	Đi được nhiều nơi nhất trong thời gian ngắn nhất.	Du lịch thần tốc	dịch ý
6	泰酷辣	Được dùng để khen ngợi những điều ngẫu, tuyệt vời.	Ngầu quá	dịch trực tiếp

7	电子榨菜	Chỉ việc xem video hoặc nghe sách nói trong lúc ăn cơm.	Clip ăn kèm	dịch ý
8	多巴胺穿搭	Là phong cách phối đồ vui mắt để tạo cảm giáctích cực cho người mặc.	Ăn mặc dopamine	dịch trực tiếp + vay mượn
9	纯爱战神	Chỉ nhóm người trung thành với các câu chuyện tình yêu thuần khiết, và cũng là tên gọi vui cho những khán giả cùng sở thích.	Fan cứng phim tình yêu trong sáng	dịch trực tiếp
10	配享太庙	Dùng để chỉ sự tán dương cho tài năng hoặc đóng góp của một người.	Đỉnh của chóp; gương mặt vàng trong làng...	dịch thay thế

4.2 Thách thức dịch từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung - Việt

4.2.1 Thách thức về tốc độ đổi mới ngôn ngữ

Tốc độ thay đổi của từ ngữ mạng xã hội trong thời đại số diễn ra hết sức nhanh chóng, với vô số từ mới xuất hiện liên tục trên các nền tảng mạng xã hội. Điều này gây ra không ít khó khăn cho công tác dịch thuật, khi các người dịch thường xuyên phải đối mặt với những thuật ngữ mới chưa có trong từ điển thông thường.

Để giải quyết vấn đề này, cần xây dựng một kho từ điển dịch thuật chuyên biệt được cập nhật thường xuyên. Kho từ điển này cần bao quát đầy đủ các loại từ ngữ đang thịnh hành, từ từ lóng, cụm từ viral cho đến thuật ngữ chuyên ngành mới. Đồng thời, hệ thống cũng cần theo dõi sát sao sự biến đổi ngữ nghĩa của các từ theo thời gian, cung cấp đầy đủ ngữ cảnh sử dụng và ví dụ minh họa cụ thể.

Khi được xây dựng bài bản, kho từ điển này sẽ trở thành công cụ đắc lực, giúp người dịch xử lý các từ ngữ mạng xã hội một cách nhanh chóng và chính xác, qua đó nâng cao đáng kể chất lượng dịch thuật trong kỷ nguyên số.

4.2.2 Thách thức về khác biệt văn hóa

Khác biệt văn hóa chính là một trong những rào cản lớn nhất trong quá trình dịch từ ngữ mạng xã hội từ tiếng Trung sang tiếng Việt. Sự khác biệt về hệ giá trị, bối cảnh lịch sử và tập quán xã hội giữa hai nền văn hóa này tác động trực tiếp đến cách diễn đạt ngôn ngữ. Khi không nắm bắt được những tầng sâu văn hóa của ngôn ngữ đích, bản dịch không chỉ mất đi sự tinh tế vốn có mà còn có thể dẫn đến những hiểu lầm đáng tiếc, làm sai lệch thông điệp gốc.

Do đó, để khắc phục thách thức này, cần không ngừng trau dồi hiểu biết về văn hóa của cả hai quốc gia. Việc đọc sách, xem phim, nghiên cứu lịch sử - văn hóa và theo dõi các xu hướng trên mạng xã hội sẽ giúp thấu hiểu được những ẩn ý văn hóa ẩn sau mỗi từ ngữ. Chỉ khi thực sự hiểu rõ bối cảnh và ý nghĩa sâu xa của từ ngữ mạng xã hội, mới có thể lựa chọn được chiến lược dịch phù hợp - có thể là dịch sát nghĩa, dịch thoát ý, hoặc sáng tạo cách diễn đạt mới sao cho vừa bảo toàn được tinh thần của ngôn ngữ gốc, vừa tự nhiên với người đọc Việt Nam.

4.2.3 Thách thức về việc lạm dụng từ Hán Việt

Trong bối cảnh dịch thuật hiện nay, áp lực thời gian và sự hạn chế về trình độ chuyên môn khiến không ít người dịch có xu hướng lạm dụng từ Hán Việt. Điều này đặc biệt đáng lo ngại khi dịch các từ ngữ mạng xã hội, vốn là những từ ngữ sinh động, gần gũi với đời sống giới trẻ. Khi bản dịch sử dụng quá nhiều từ Hán Việt, nó sẽ trở nên xa lạ, khó hiểu, đánh mất sự kết nối với đối tượng độc giả trẻ tuổi, những người thường ưa chuộng cách diễn đạt thuần Việt tự nhiên.

Để khắc phục tình trạng này, người dịch cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng trong việc lựa chọn từ ngữ. Thay vì máy móc sử dụng từ Hán Việt, nên ưu tiên những từ ngữ quen thuộc

trong văn hóa Việt, những cách diễn đạt tự nhiên, dễ hiểu. Chỉ nên sử dụng từ Hán Việt trong những trường hợp thực sự cần thiết, khi không có từ thuần Việt nào thay thế được, hoặc khi cần giữ nguyên sắc thái ý nghĩa đặc biệt của từ gốc.

5. Kết luận

Dịch các từ ngữ mạng xã hội tiếng Trung - Việt giữ vai trò quan trọng trong việc kết nối ngôn ngữ và văn hóa, đồng thời là phần không thể thiếu của giao tiếp trực tuyến. Việc dịch chính xác các từ này giúp nâng cao sự hiểu biết và trao đổi giữa các nền văn hóa. Với đặc trưng riêng của ngôn ngữ mạng xã hội tiếng Trung, cần linh hoạt áp dụng năm chiến lược: dịch trực tiếp, dịch ý, dịch thay thế, dịch vay mượn và dịch trực tiếp kết hợp vay mượn, nhằm đảm bảo bản dịch vừa chính xác về ngôn ngữ, vừa phù hợp với thói quen và tâm lý sử dụng của người Việt. Bài nghiên cứu khuyến nghị giới trẻ nên thường xuyên cập nhật xu hướng ngôn ngữ, nâng cao hiểu biết về văn hóa hai nước, và ưu tiên lựa chọn từ ngữ gần gũi, dễ hiểu, hạn chế lạm dụng từ Hán Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 段广学. (2016). 论网络词汇的发展特点. 青年文学家(7X), 1.
Tạm dịch: Duan Guangxue. (2016). Bàn về đặc điểm phát triển của từ vựng mạng. Văn học gia Thanh Niên, 7X, 1.
- 郜焯萌. (2025). 网络用语特点及其汉英翻译策略研究. 新楚文化, 73–75.
Tạm dịch: Gao Yemeng. (2025). Nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ mạng và chiến lược dịch Trung – Anh. Tân Sở Văn Hóa, 73–75.
- 周晓凤, 刘鸽. (2014). 网络流行语现象的语言文化分析. 东北师大学报(哲学社会科学版), (03):184–189.
Tạm dịch: Zhou Xiaofeng & Liu Ge. (2014). Phân tích văn hoá ngôn ngữ của hiện tượng từ ngữ thịnh hành trên mạng. Tạp chí ĐHSP Đông Bắc (bản Triết học – KHXH), 184–189.
- 卫佳. (2012). 功能对等理论视角下的网络流行语翻译. 文教资料(35), 3.
Tạm dịch: Wei Jia. (2012). Dịch thuật từ ngữ thịnh hành trên mạng dưới góc nhìn lý luận tương đương chức năng. Tài liệu Văn Giáo, (35), 3.)
- 张敏. (2015). 中国网络流行语与功能对等. 现代交际.
Tạm dịch: Zhang Min. (2015). Từ ngữ thịnh hành trên mạng Trung Quốc và lý luận tương đương chức năng. Giao Tế Hiện Đại.)
- 周海霞, 李宗菊. (2015). 功能对等理论指导下网络用语的翻译方法. 才智(17), 1.
Tạm dịch: Zhou Haixia & Li Zongju. (2015). Phương pháp dịch từ ngữ mạng với lý luận tương đương chức năng. Tài Trí, (17), 1.)
- 李祉姮. (2014). 网络用语字幕翻译特点. 科技展望, (023), 205.
Tạm dịch: Li Zhihua. (2014). Đặc điểm dịch phụ đề của từ ngữ mạng. Triển Vọng Khoa Học Kỹ Thuật, (023), 205.)
- Tan Zhici. (2017). *Giáo trình phiên dịch Việt - Hán*. NXB: Công ty TNHH Xuất bản Sách Thế giới. Quảng Đông.